TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2024
"*V/v: Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Công Uẩn – Chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ quốc phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa – CB hưu trí, nguyên Phó Ban dân vận Thành ủy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:* Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 2458/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXX-ST ngày 15/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc U, sinh năm 1994.

HKTT: Tổ 14, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: đường N, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Trần Bình L, sinh năm 1990.

HKTT: Thôn H, xã H1, huyện B1, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ: Tổ 14, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(bà U, ông L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc U trình bày:

Bà và ông Trần Bình L kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông L nợ nần, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện bà và ông L đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị giải quyết được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Văn C, sinh ngày 29/11/2013. Khi ly hôn bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tạm thời không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai, bị đơn ông Trần Bình L trình bày:

Ông và bà Trần Thị Ngọc U kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, hôn nhân tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, quá trình chung sống do ông có nợ nần nên tháng 3/2023 bà U đã cùng con chung về nhà cha mẹ bà U sinh sống. Nay bà U xin ly hôn thì ông không đồng ý do hai vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Văn C, sinh ngày 29/11/2013. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc U. Bà U được ly hôn với ông Trần Bình L.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Văn C, sinh ngày 29/11/2013 cho bà Trần Thị Ngọc U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Bình L không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về án phí: bà U phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc U và ông Trần Bình L tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của bà U, ông L là hợp pháp. Nay bà U xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của bà U: Bà U xin ly hôn với ông L với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, hai vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau, tình cảm không thể hàn gắn.

Xét thấy, Tòa án đã xác minh về mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Trần Thị Ngọc U và ông Trần Bình L khi ông bà sống chung tại phường H, thành phố B. Đại diện chính quyền địa phương cho biết bà U, ông L chung sống có mâu thuẫn hay không địa phương không biết do các đương sự không báo chính quyền địa phương. Quá trình hòa giải, ông L không đồng ý ly hôn do hai vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa bà U, ông L nhưng bà U vẫn kiên quyết ly hôn, cho thấy bà U không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Bà U, ông L đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2023 đến nay.

Do đó, mâu thuẫn giữa bà U, ông L là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ cả hai bên cùng vun đắp, khi

một bên đã không còn tình cảm thì có níu giữ cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị Ngọc U được ly hôn ông Trần Bình L.

[3] Về con chung: Bà U, ông L có 01 con chung là cháu Trần Văn C, sinh ngày 29/11/2013. Ly hôn, bà U đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, tạm thời không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L trình bày, nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông cũng đồng ý giao con chung cho bà U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu C và cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà U. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà U, ông L, về việc giao con chung cho bà U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông L không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà U khai không có, ông L khai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà U, ông L khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà U phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 203, điều 235, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc U. Bà Trần Thị Ngọc U được ly hôn với ông Trần Bình L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn C, sinh ngày 29/11/2013 cho bà Trần Thị Ngọc U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Bình L không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông L được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi

người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc U phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09270 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai (1);
-VKSND thành phố Biên Hòa (2);
-THA Dân sự thành phố Biên Hòa (1);
-UBND phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (1);
-Đương sự (4)
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh Thủy